

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN T
TỈNH LONG A**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/DSST

Ngày: 13-4-2022

*“V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ
và hợp đồng mua bán”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN T, TỈNH LONG A

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc A.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân T

2. Bà Nguyễn Ngọc N

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hiếu L - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân T, tỉnh Long A.

Trong ngày 13 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân T, tỉnh Long A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2022/TLST-DS ngày 18 tháng 02 năm 2022 về tranh chấp “Hợp đồng dịch vụ và hợp đồng mua bán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2022/QĐST-DS ngày 28/3/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông Lê Ngọc M, sinh năm 1958

Nơi cư trú: Khu phố 3, thị trấn Tân T, huyện Tân T, tỉnh Long A;

2. Bị đơn: ông Lâm Vũ L, sinh năm 1973

Nơi cư trú: ấp Đá B, xã Kiến B, huyện Tân T, tỉnh Long A

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn trình bày:

Năm 2019, ông Lâm Vũ L có thuê ông M đào hầm đất để ông L nuôi cá, tiền công là 175.000.000đ, ông L trả được 120.000.000đ. Ông L còn nợ tiền công thuê đào đất của ông M là 55.000.000đ (Năm mươi lăm triệu đồng). Ngoài ra, ông L có mua thiếu thức ăn nuôi cá của ông M với số tiền là 60.000.000đ (Sáu mươi triệu

đồng). Tổng cộng, ông L nợ ông M số tiền 115.000.000đ (Một trăm mười lăm triệu đồng). Ông M đã đòi khoản nợ nhiều lần nhưng ông L vẫn không trả.

Ông Lê Ngọc M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông L có nghĩa vụ trả cho ông M số tiền là 115.000.000đ (Một trăm mười lăm triệu đồng), ông không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn ông Lâm Vũ L trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau:

Ông Lâm Vũ L xác nhận có nợ của ông Lê Ngọc M số tiền 115.000.000đ như ông M đã trình bày. Tuy nhiên, do hoàn cảnh kinh tế của ông L khó khăn nên ông L đề nghị được trả dần mỗi tháng 3.000.000đ cho đến khi trả hết số tiền 115.000.000đ.

Trung tâm hòa giải đối thoại tại Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự vẫn không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án. Ông M cho ông L trả dần trong 3 tháng, tháng thứ nhất trả 38.000.000đ, tháng thứ hai trả 38.000.000đ, tháng thứ ba trả 39.000.000đ nhưng ông L đề nghị trả dần 3.000.000đ/tháng.

Tại phiên tòa:

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và vẫn giữ nguyên ý kiến như tại phiên hòa giải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Ông Lê Ngọc M khởi kiện yêu cầu ông Lâm Vũ L phải thanh toán số tiền nợ phát sinh từ hợp đồng dịch vụ và hợp đồng mua bán. Do đó, đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân T.

[2] Về nội dung:

Giữa các đương sự thống nhất với nhau về số tiền ông Lâm Vũ L còn nợ ông Lê Ngọc M là 115.000.000đ. Xét biên nhận nợ do ông L ký thể hiện số tiền nợ mua thức ăn cá tính đến ngày 01/12/2019 là 60.000.000đ, tiền nợ đào hầm đất nuôi cá là 55.000.000đ. Do ông L không trả số nợ nên ông M đã nộp đơn nhờ Tổ hòa giải tại địa phương tiến hành hòa giải vào ngày 14/01/2021, ông M cho ông L trả dần số tiền trong 03 tháng. Tuy nhiên, từ đó đến nay ông L không trả cho ông M

được khoản nào. Do đó, có cơ sở xác định ông L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Hiện nay, ông L đề nghị được trả dần 3.000.000đ/tháng cho đến khi hết khoản nợ nhưng không được sự đồng ý của ông M. Ông M chỉ đồng ý cho ông L trả dần cho đến khi hết số tiền 115.000.000đ trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày xét xử. Như vậy, về thời gian trả, giữa các đương sự không thỏa thuận được nên nguyên đơn có quyền liên hệ Cơ quan Thi hành án dân sự để thực hiện thủ tục yêu cầu thi hành án theo quy định của pháp luật. Đồng thời, cần ghi nhận sự tự nguyện của ông M về việc ông M cho ông L trả dần số tiền 115.000.000đ trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày xét xử, tháng thứ nhất trả 38.000.000đ, tháng thứ hai trả 38.000.000đ, tháng thứ ba trả 39.000.000đ. Trong trường hợp ông L chậm trả phải có nghĩa vụ trả lãi theo quy định của pháp luật

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Bị đơn phải chịu án phí tương ứng với nghĩa vụ phải trả cho nguyên đơn là 5.750.000đ theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 430, 440, 513, 519, 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Ngọc M: Buộc ông Lâm Vũ L có nghĩa vụ trả cho ông Lê Ngọc M số tiền 115.000.000đ (Một trăm mười lăm triệu đồng).

Về thời gian trả: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lê Ngọc M về việc cho ông Lâm Vũ L trả dần số tiền 115.000.000đ trong thời hạn 03 (ba) tháng kể từ ngày xét xử (ngày 13/4/2022) như sau:

Ngày 13 tháng 5 năm 2022 trả 38.000.000đ (Ba mươi tám triệu đồng)

Ngày 13 tháng 6 năm 2022 trả 38.000.000đ (Ba mươi tám triệu đồng)

Ngày 13 tháng 7 năm 2022 trả 39.000.000đ (Ba mươi chín triệu đồng)

2. Về nghĩa vụ chậm trả: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu thêm tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Ông Lê Ngọc M không phải chịu án phí nên được trả lại tiền số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.875.000đ (Hai triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004181, ngày 18/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân T.

3.2. Ông Lâm Vũ L phải chịu 5.750.000đ (Năm triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) án phí.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân T;
- Chi cục THADS huyện Tân T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Ấn văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc A